

NHẬN THỨC LẠI VẤN ĐỀ BẢN SẮC TRONG KIẾN TRÚC VÀ ĐÔ THỊ: MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI SỬ DỤNG NGÔN NGỮ KIỂU MẪU TRONG VIỆC NHẬN THỨC ĐÔ THỊ HÀ NỘI THỜI KỲ THUỘC ĐỊA

RECONSIDERING THE ISSUE OF IDENTITY IN ARCHITECTURE AND URBANISM: A NEW APPROACH USING PATTERN LANGUAGE IN HANOI DURING THE COLONIAL PERIOD

Nguyễn Hồng Ngọc*

Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: nhngoc@dut.udn.vn

(Nhận bài / Received: 05/10/2022; Sửa bài / Revised: 14/3/2023; Chấp nhận đăng / Accepted: 20/3/2023)

Tóm tắt - Bài báo này đóng góp vào tài liệu về bản sắc trong kiến trúc và đô thị bằng cách đề xuất một cách tiếp cận mới, trong đó bản sắc được nhìn từ quan điểm của ngôn ngữ kiểu mẫu của Alexander - một quá trình generative. Sử dụng ngôn ngữ kiểu mẫu hỗ trợ bản sắc thông qua kết nối với truyền thống xây dựng địa phương và đáp ứng nhu cầu của con người. Tác giả sử dụng thành phố Hà Nội vào cuối thế kỷ XIX như một nghiên cứu điển hình. Tác giả đã phân tích bản sắc qua lăng kính của ngôn ngữ kiểu mẫu. Phương pháp ngôn ngữ kiểu mẫu cho phép tổ chức và khái quát hóa thông tin về hình thức đô thị. Bài báo kết luận rằng, kiến trúc và đô thị Hà Nội có bản sắc độc đáo, phát triển trong thời Pháp thuộc và cần xem xét bản sắc từ quan điểm động. Tác giả cho rằng, để thúc đẩy bản sắc đặc trưng của Hà Nội, các nhà hoạch định chính sách và thiết kế đô thị cần xây dựng một kho tàng các ngôn ngữ kiểu mẫu của Hà Nội và đồng thời tăng cường ngôn ngữ hình thức của nó.

Từ khóa - Bản sắc; Hà Nội; ngôn ngữ kiểu mẫu; quá trình generative

1. Giới thiệu

Những nghiên cứu về kiến trúc và đô thị học trên các quốc gia có nền văn hóa giàu bản sắc như ở Anh, Trung Quốc, Ả Rập Xê-út và Thổ Nhĩ Kỳ đã cho thấy, một cuộc khủng hoảng ngày càng tăng về bản sắc kiến trúc và đô thị [1], [2]. Trong khi kiến trúc và đô thị truyền thống có những giá trị riêng biệt và có bản sắc rõ rệt, thì các ý kiến cho rằng thiết kế kiến trúc và đô thị trong thời đại ngày nay, trong hoàn cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa có xu hướng tạo ra những không gian đô thị bị chia cắt, xa lạ và vô hồn [3], [4]. Nghiên cứu đương đại hướng đến nâng cao bản sắc trong kiến trúc và không gian đô thị thường tập trung vào việc xác định các hình thức, hình dạng và các motif chính phổ biến cho một truyền thống kiến trúc mà các nhà thiết kế sau này có thể bắt chước trực tiếp hoặc sử dụng có chọn lọc [5]. Cách tiếp cận này đã bị chỉ trích từ hai phía: Một bên là các kiến trúc sư ủng hộ sáng tạo trong kiến trúc và một bên là những kiến trúc sư ủng hộ truyền thống.

Mỗi quan tâm sau cũng phản ánh mong muốn về một công trình kiến trúc có khả năng thích ứng với các điều kiện kinh tế và xã hội hiện tại, và do đó nắm bắt được “giá trị tinh thần” của kiến trúc truyền thống và thiết kế đô thị. Mặc dù, các mục tiêu này là đáng khen ngợi, nhưng nó có nguy

Abstract - This paper contributes to the literature on identity in architecture and urbanism by proposing a new approach in which identity is viewed from Alexander's pattern language - a generative process. Using pattern language supports identity through its connection to local building traditions that respond to human needs. The author uses the city of Hanoi at the end of the nineteenth century as a case study. The author has analyzed identity through perspective of pattern language. The pattern language method allows for the organization and generalization of information about urban form. The article concludes that the architecture and urbanism of Hanoi have a unique character, developed during the French colonial period, and require a dynamic perspective on their identity. The author argues that in order to promote Hanoi's distinctive identity, policymakers and urban designers need to build a repository of Hanoi's pattern languages and at the same time strengthen its formal language.

Key words - Identity; Hanoi; pattern language; generative process

cơ khiến kiến trúc hướng tới bản sắc phục tùng chủ nghĩa chiết trung. Vì vậy, việc hiểu rõ bản sắc trong kiến trúc và đô thị rồi từ đó đề ra các giải pháp và chính sách trong quy hoạch đô thị và quản lý kiến trúc.

Hiện tại, không có câu trả lời mang tính giải pháp cho câu hỏi làm thế nào để xây dựng một bản sắc mạnh mẽ trong đô thị và kiến trúc Việt Nam. Để giải quyết vấn đề này, tác giả cho rằng cần phải đặt sang một bên những câu hỏi như "Bản sắc Việt trong kiến trúc và thiết kế đô thị là gì?" và "Làm thế nào để xây dựng bản sắc kiến trúc Việt Nam?" bằng cách đặt câu hỏi đúng hơn và phù hợp hơn "Loại kiến trúc và thiết kế đô thị nào phù hợp với bối cảnh và chức năng của địa phương trong thời đại chúng ta?" Và sau đó "Loại hình kiến trúc nào sẽ kế thừa những bài học quý giá từ quá khứ?" Trả lời được những câu hỏi này là hữu ích bởi vì nó giải quyết tận gốc ý nghĩa của “bản sắc” trong kiến trúc và thiết kế đô thị. Nó cung cấp một cách để hướng tới một kiến trúc và thiết kế đô thị phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội đương đại của Việt Nam và lối sống của người Việt Nam. Chuyển các câu hỏi nghiên cứu này không phải là rút lui khỏi chủ đề bản sắc, mà là một bước trung gian để vận hành vấn đề phức tạp về bản sắc trong kiến trúc và đô thị.

¹ The University of Danang - University of Science and Technology, Danang, Vietnam (Nguyen Hong Ngọc)

Nghiên cứu này bắt đầu với việc khảo sát tổng quan các tài liệu liên quan đến khái niệm bản sắc trong môi trường xây dựng. Sau đó, nghiên cứu đề cập đến vấn đề bản sắc từ góc độ của ngôn ngữ kiểu mẫu. Tiếp đó bài báo trình bày trường hợp đô thị Hà Nội trong giai đoạn 1873 đến cuối thế kỷ XIX biểu hiện thông qua ngôn ngữ kiểu mẫu. Nghiên cứu cung cấp một cách đánh giá về bản sắc cho Hà Nội và đề xuất các giải pháp cho việc xây dựng bản sắc. Kết quả của nghiên cứu là một ngôn ngữ kiểu mẫu điển hình cho Hà Nội do tác giả xây dựng. Kết quả này bao gồm tám kiểu mẫu và mười một thuộc tính được xây dựng trên cơ sở các tài liệu lịch sử về Hà Nội và phương pháp generative của Alexander và Salingeros. Bài báo đưa ra kết luận với việc thảo luận về ý nghĩa của việc sử dụng ngôn ngữ kiểu mẫu để khảo sát bản sắc và cung cấp một cơ sở để xây dựng chính sách quy hoạch.

2. Tổng quan về nghiên cứu

Kevin Lynch [6] coi bản sắc như là sự kết hợp của các đặc điểm làm cho một kiến trúc hoặc không gian đô thị trở nên rõ ràng hoặc khác biệt với những phạm trù khác cùng thể loại. Mặc dù, các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà phát triển đã cố gắng thúc đẩy bản sắc khu vực và quốc gia thông qua kiến trúc. Tuy nhiên, các nhà phê bình đã hoài nghi và chống lại những nỗ lực bảo tồn lịch sử hoặc kiến trúc tân truyền thống phục vụ lợi ích kinh tế, họ coi việc khuếch trương bản sắc trong kiến trúc như là việc thúc đẩy chủ nghĩa tiêu thụ (consumerism). Những nhà phê bình bản sắc khác lại coi việc nâng cao bản sắc như là “chủ nghĩa lịch sử bê ngoài” [7] hoặc “chủ nghĩa tình lệ cảm tính” [8]. Kenneth Frampton [9] chỉ trích thẳng rằng, chủ nghĩa lịch sử hời hợt chỉ tạo ra “sự điều hành mang tính biểu tượng của chủ nghĩa tiêu dùng được giả mạo dưới hình thức văn hóa”. Tuy nhiên, nếu việc vay mượn các yếu tố từ một truyền thống đặc biệt bị coi là hời hợt, thì chủ nghĩa lịch sử đích thực là gì? Việc sao chép chính xác hình thức lịch sử sẽ không tạo ra chủ nghĩa lịch sử đích thực, cũng như không cho phép môi trường được xây dựng tự phát triển mà không có hướng dẫn. Thật không may, những người làm mất uy tín những nỗ lực về bản sắc trong quy hoạch và kiến trúc đô thị không có con đường dẫn đến “chủ nghĩa lịch sử đích thực”.

Thông thường có hai cách tiếp cận chung để phát triển và duy trì bản sắc. Cách tiếp cận thứ nhất bao gồm việc mô tả và bắt chước những gì đã được xây dựng trong quá khứ. Ví dụ, Eldemery [2] kêu gọi tôn trọng phong cách truyền thống chủ đạo. Chen và Romice [1] đã xác định các thông số số cụ thể của các đô thị thông qua cách mà họ gọi là “phương pháp tiếp cận kiểu hình” (“typomorphological approach”), sau đó họ sử dụng chúng làm cơ sở để điều chỉnh sự phát triển trong tương lai, chẳng hạn như bằng cách hạn chế kích thước khối nhà hoặc kích thước lô đất. Mặc dù, đặt những ràng buộc như vậy là một cách an toàn và khả thi để thực thi các kiểu thức truyền thống, nhưng lại rất khó để dung hòa những gì là các yếu tố của kiến trúc thời Trung đại với các yêu cầu đương đại chẳng hạn.

Bởi vì “bản sắc là năng động” (“identity is dynamic”) [2], những người thuộc xu hướng thứ hai sử dụng bản sắc

như động lực cho cách tiếp cận của riêng họ. Vấn đề là những gì họ đề xuất hầu như không đủ thực tế để các nhà quy hoạch và kiến trúc sư đạt được. Nhiều nhà thiết kế diễn giải lại các kiến trúc truyền thống dựa trên sự thích ứng với môi trường, vật liệu và cấu trúc. Cụ thể, Saleh đề xuất sử dụng các cấu trúc và hình thức bản địa trong khi sử dụng công nghệ hiện đại để duy trì kết nối với truyền thống. Eldemery đề xuất “tạo dựng các loại hình truyền thống trong các hình thức hiện đại của chúng” [2, pp. 348]. Cụ thể hơn, Saleh [5] đề xuất rằng, mỗi dự án mới nên duy trì một cấu trúc cốt lõi truyền thống mà các nhà thiết kế có thể làm việc. Các cấu trúc sau đó phải được chuyển đổi và “được bản địa hóa”. Trong khi đó, Luận [10, pp. 40] đề xuất mỗi kiến trúc sư hướng đến “chuyển đổi cùng một hình thức” hoặc tùy ứng các hình thức truyền thống và motif cho hoàn cảnh mới.

Như vậy, dựa vào cách tiếp cận của Saleh hay Eldemery đều khó để biết cách xác định cấu trúc sao cho không chỉ đơn giản là sao chép hoặc cắt và dán các họa tiết bản địa như các nhà thiết kế trước đây đã làm. Tức là không sao chép kiểu chiết trung. Vì vậy, bản sắc không thể thoát khỏi những ràng buộc hiện đại, và để đạt được bản sắc, các kiến trúc sư và nhà thiết kế phải “tích hợp” hoặc đưa “hiện đại” vào khung truyền thống. Tóm lại, ngoài sự kết hợp chiết trung của kiến trúc truyền thống và hiện đại, có rất ít giải pháp xây dựng kiến trúc có bản sắc mang tính khả thi.

3. Ngôn ngữ kiểu mẫu và bản sắc

Phạm vi của nghiên cứu về bản sắc cho đến nay vẫn bị giới hạn ở các khía cạnh hữu hình hơn, dễ thấy của nó. Như đã phân tích dưới đây, trước khi có được bản sắc, không gian kiến trúc phải sở hữu một *phẩm chất* nhất định. Một quần thể kiến trúc hay một không gian đô thị sở hữu bản sắc cũng là một quần thể có “phẩm chất” tích cực. Bên cạnh tính độc đáo và đặc điểm dễ nhận biết, phẩm chất này luôn tạo ra những hình thức có tác dụng nuôi dưỡng tình cảm tích cực và những hình thái phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội. Vì vậy, *để tìm ra bản sắc khó nắm bắt của kiến trúc và không gian đô thị, trước hết cần phải tìm kiếm và tìm ra cái tốt chung của không gian đô thị*. Sau đó, các nhà nghiên cứu có thể tiến tới để tìm ra bản sắc và tính độc đáo của nó.

Vấn đề bản sắc trong kiến trúc và quy hoạch đô thị trở thành một bài toán học búa gồm hai phần. Về thứ nhất tương đương với phần hữu hình của kiến trúc hoặc không gian đô thị. Về này thực sự là ngôn ngữ hình thức của cấu trúc [11], nhưng phần cơ bản, “vô hình” chứa phẩm chất tốt chung - kiến thức có thể chia sẻ, kết nối với truyền thống đã xây dựng và các giải pháp cho các vấn đề phức tạp của đô thị - thường bị bỏ qua. Về “vô hình” này có khả năng tạo ra những cấu trúc có giá trị cảm xúc tích cực. Vì vậy, kiến trúc và không gian đô thị có bản sắc trước hết phải phù hợp với giá trị nhân văn. Điều kiện tiên quyết này tương tự như điều mà Alexander [12, pp. 344] gọi là “cấu trúc trung tâm bất biến” hay “cốt lõi của vật chất chung cho mọi nền văn hóa”. Do đó, kiến trúc hoặc không gian đô thị có được bản sắc mạnh mẽ phải có các đặc tính hữu ích và phù hợp trong bối cảnh địa phương. Không thể

xây dựng một bản sắc của một môi trường đô thị xa lạ với các điều kiện kinh tế và xã hội. Điều này dẫn chúng ta đến ngôn ngữ kiểu mẫu.

Alexander và các cộng sự [13] lập luận rằng, các công trình xây dựng được xây dựng không phải bằng hình ảnh hoặc bất chước kiểu dáng, mà thông qua việc sử dụng các kiểu mẫu. Những kiểu mẫu này được áp dụng trong thực tế xây dựng giống như ngôn ngữ nói được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. Và cũng giống như ngôn ngữ, chúng bao gồm một tập hợp hữu hạn các quy tắc cho phép con người tạo nên các cấu trúc khác nhau vô hạn mà không lặp lại [14]; Chúng là “một tập hợp các giải pháp được thử nghiệm và kiểm nghiệm là đúng để được kế thừa nhằm tối ưu hóa cách môi trường xây dựng nhằm thúc đẩy cuộc sống và cảm giác hạnh phúc của con người” [11, pp. 220]. Ngoài ra, ngôn ngữ kiểu mẫu có khả năng “... kết hợp các kiểu thức hình học và các hành vi xã hội thành một tập hợp các mối quan hệ hữu ích”. Việc sử dụng nó đảm bảo sự thành công của mỗi công trình trong xã hội truyền thống [12], bởi vì nó là một nguồn lực mạnh mẽ cho các giải pháp thiết kế [11].

Một ngôn ngữ kiểu mẫu có ba đặc điểm [13]. Đầu tiên là khả năng xây dựng vô số các kết hợp độc đáo; Ngôn ngữ mẫu như Salinger nói xây dựng một “kho kiến thức có thể tái sử dụng” [11, pp. 214]. Khả năng đa dạng này dẫn đến sự khác biệt và do đó góp phần tạo nên bản sắc của một tòa nhà hoặc không gian. Thứ hai, tương tự như ngôn ngữ lời nói của con người, ngôn ngữ kiểu mẫu là một hệ thống mang tính tổng hợp cho phép người học kết hợp các yếu tố để tạo ra “câu” hoặc hệ thống các mẫu phù hợp với ngữ cảnh nhất định. Những kiểu mẫu này không chỉ thỏa mãn nhu cầu của con người mà còn là một công cụ thiết kế thiết thực và hiệu quả. Thứ ba, ngôn ngữ kiểu mẫu là một ngôn ngữ dùng chung phản ánh kiến thức được chia sẻ vì nó “không chỉ giúp mọi người định hình ngôi nhà của họ mà còn giúp họ định hình đường phố và thị trấn của họ” [11, pp. 190].

Phương pháp generative sử dụng các kiểu mẫu trong một quá trình cùng cộng tác, có sự tham gia, trong đó các nhà thiết kế, kiến trúc sư và các thành viên cộng đồng làm việc cùng nhau để phát triển các giải pháp thiết kế phản ánh đặc điểm, văn hóa và nhu cầu độc đáo của một địa điểm cụ thể. Phương pháp này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quan sát và hiểu các kiểu mẫu và cấu trúc của địa điểm, đồng thời làm việc với các kiểu mẫu đó để tạo ra các giải pháp thiết kế mới. Nó cũng kết hợp các yếu tố của thiết kế truyền thống và bản địa, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tính bền vững và khả năng thích ứng trong thiết kế. Nhìn chung, phương pháp generative như Christopher Alexander mô tả là một cách tiếp cận thiết kế toàn diện, lấy con người làm trung tâm, ưu tiên nhu cầu và mong muốn của con người và cộng đồng, đồng thời tìm cách tạo ra không gian và cấu trúc hài hòa với môi trường của họ.

Phương pháp mà tác giả sử dụng trong bài báo này để đánh giá bản sắc của đô thị và kiến trúc ở Hà Nội là thực hiện các ngôn ngữ kiểu mẫu - cách tiếp cận tổng hợp - để tìm hiểu bản sắc của đô thị Hà Nội. Tác giả đã xây dựng lại các mẫu cho Hà Nội trong thời kỳ chuyển tiếp sang thuộc

địa, từ năm 1873 đến đầu những năm 1902. Những kiểu mẫu được lựa chọn là những kiểu mẫu phản ánh rõ nhất hình thái đô thị Hà Nội trong bối cảnh xã hội nông nghiệp và Nho giáo phong kiến thời tiền thuộc địa của Việt Nam. Mặc dù, xã hội Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX có thể bị đánh giá là lạc hậu hoặc phản động, nhưng cần lưu ý rằng những kiểu mẫu xã hội và vật chất của thời kỳ lịch sử này bắt nguồn từ những đặc điểm kinh tế xã hội của thời kỳ đó. Bởi vì những kiểu mẫu này thuộc về khoảng thời gian cụ thể đó, các nhà nghiên cứu có thể phát triển sự hiểu biết về bản sắc của đô thị và kiến trúc Việt Nam bằng cách phát hiện những kiểu mẫu này.

4. Bản sắc trong kiến trúc và đô thị Việt Nam

Thành phố Hà Nội là biểu tượng của bản sắc Việt Nam trong kiến trúc và đô thị. Đô thị này rất hữu ích cho việc phân tích ngôn ngữ kiểu mẫu trong mối quan hệ với bản sắc. Thành phố thực sự là một đô thị truyền thống, với nhiều tầng văn hóa Việt Nam, lại chịu cả ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và Pháp. Hà Nội là kinh đô đầu tiên của nước Việt Nam độc lập vào năm 1010, Hà Nội gắn liền với nền độc lập lâu đời của Việt Nam sau hơn một nghìn năm bị Trung Quốc đô hộ và áp bức. Vào cuối thế kỷ XIX, Hà Nội trở thành đô thị dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Sự kiện này đánh dấu sự thay đổi đáng kể trong đời sống xã hội và văn hóa của Hà Nội, làm biến đổi đáng kể cảnh quan thành phố [15], [16]. Trong thời kỳ thuộc địa tiếp theo, Hà Nội đã bị hấp thụ một cách cưỡng bức những nét đặc trưng của kiến trúc và đô thị phương Tây, đồng thời kết hợp chúng với những đặc điểm bản địa để tạo ra một thủ đô sôi động, sầm uất của Đông Dương thuộc Pháp - liên bang của Việt Nam, Lào và Campuchia [16]. Trong bài báo này, tác giả tập trung phân tích bản sắc Hà Nội trong thời kỳ gần ba thập kỷ chuyển sang chế độ thuộc địa của Pháp vào cuối thế kỷ XIX. Giai đoạn này đánh dấu sự sụp đổ của hệ thống phong kiến và sự thiết lập của sự cai trị của thực dân Pháp, cùng với việc phá bỏ các kiệt tác kiến trúc trong Hoàng thành và bổ sung một lớp không gian mới với ảnh hưởng của thiết kế đô thị Pháp. Tuy nhiên, có vẻ như cấu trúc đô thị của Hà Nội đủ phong phú và kiên cường để vượt qua sự chuyển tiếp này; thậm chí đô thị Pháp đã không thay thế bản sắc vốn có của Hà Nội mà thay vào đó bổ sung nó. Bài báo này nhằm nghiên cứu đô thị truyền thống Hà Nội trong giai đoạn ba thập kỷ khi thành phố chuyển từ giai đoạn phong kiến dưới triều Nguyễn sang thời kỳ thuộc địa của thực dân Pháp. Tuy khó xác định mốc thời gian chính xác nhưng nhìn chung đó là khoảng thời gian từ năm 1873 đến năm 1902. Đây là thời kỳ mà thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Hà Nội và cũng là thời kỳ mà hình ảnh đô thị được thể hiện chín muồi nhất qua các tư liệu lịch sử. Tác giả sử dụng ngôn ngữ kiểu mẫu để phát lộ bản sắc kiến trúc của Hà Nội trong giai đoạn này.

Vua Lý Công Uẩn (1009-1028) dời đô về Thăng Long dựa trên những lợi thế về địa lý, kinh tế và quân sự của địa điểm. Vào thời nhà Lê (1428-1789), thành bao gồm hai phần chính: Hoàng thành, nơi ở của các vua, hoàng tộc và các quan lại; và phía đông của Hoàng thành, thành phố của thường dân, hay Kẻ Chợ (nghĩa đen là “người ở chợ”) - nơi

sinh sống của các nghệ nhân phục vụ và sản xuất hàng hóa cho cung đình. Sau đó, vào năm 1802, Hà Nội bị hạ xuống thành đô thị chính ở Bắc Kỳ, hay Bắc Thành, và quy mô của Hoàng thành bị giảm xuống khi nhà Nguyễn dời triều đình vào Huế. Đến thời thực dân Pháp, thành Hà Nội bị phá bỏ [16], [17], [18].

Qua nhiều thế kỷ, các nghệ nhân và thương nhân tự do khác từ các làng lân cận đã di cư đến Hà Nội để tham gia vào lực lượng lao động và định cư ở Kê Chợ; Ngày nay nó được gọi là Khu Phố Cổ, hay khu Ba mươi sáu phố phường. Nơi vẫn còn lưu giữ nhiều nét của quá khứ. Trong khu vực này, các đơn vị hành chính chính là phường, mỗi khu được phân định bằng các đường phố với các hoạt động buôn bán hoặc nghề nghiệp đặc trưng của mình. Mọi con phố của một phường được ngăn cách bởi những rào chắn bằng gỗ với những cánh cổng được đóng vào ban đêm để ngăn bọn cướp và trộm [16], [17]. Kê Chợ cũng phản ánh các giá trị bản địa của làng với các kiến trúc như đình, chùa, và đền. Đặc điểm dễ nhận thấy nhất của nó là những con phố quanh co và những tòa nhà thấp từ một đến hai tầng. Bộ Luật Xây dựng thời Gia Long là Hoàng Việt Luật Lệ yêu cầu các tòa nhà không có cửa sổ hướng ra đường phố và “cửa ra vào và cửa sổ không được cao hơn vai của một thành viên hoàng gia hoặc quan lại đi trên ghế xe hơi” (Azambra, như được trích dẫn trong [17, pp. 41]. Các kiểu nhà ở điển hình của thời kỳ này là nhà ống cao từ một đến hai tầng, rộng từ hai đến bốn mét và dài từ bốn mươi đến sáu mươi mét.

5. Kiểu mẫu của Hà Nội từ năm 1873 đến 1902

Cách tiếp cận để tìm hiểu bản sắc của Hà Nội sử dụng phương pháp ngôn ngữ kiểu mẫu. Các kiểu mẫu mà tác giả phát hiện có thể ít nhiều giống hoặc hoàn toàn khác với 253 mẫu mà Alexander và các cộng sự đã đề xuất trong A Pattern Language [13]. Mỗi kiểu mẫu của nghiên cứu này sẽ bao gồm các phần sau: Tiêu đề; Kiểu mẫu trước (kiểu mẫu được sử dụng trước); Phân tích (bối cảnh mà vấn đề xảy ra, bao gồm cả phân tích vấn đề); và kiểu mẫu kế tiếp. Căn cứ vào các tài liệu thứ cấp như bản đồ, các nghiên cứu và ghi chép về Hà Nội trong giai đoạn 1873 đến 1902, tác giả đã xây dựng nên 7 kiểu mẫu hình thức đô thị Hà Nội trong giai đoạn này. Việc xây dựng 7 kiểu mẫu này tuân thủ theo phương pháp của Christopher Alexander trong việc thiết lập ngôn ngữ kiểu mẫu. Các kiểu mẫu này phản ánh rõ nhất bối cảnh xã hội nông nghiệp và Nho giáo thời phong kiến của Việt Nam. Dưới đây là tám kiểu mẫu đáng chú ý phản ánh Hà Nội cuối thế kỷ XIX. Những kiểu mẫu này chứng tỏ khả năng xây dựng một kho ngôn ngữ kiểu mẫu cho Hà Nội.

5.1. Sự kết hợp của các tiểu thành phố

Phân tích: Hai tiểu thành phố riêng biệt - một dành cho giới bình dân, một dành cho giới thượng lưu - mỗi tiểu thành phố là một thực thể duy nhất và có thể nhận dạng được, hỗ trợ lẫn nhau về mặt chính trị và thương mại. Chúng cũng phù hợp với phong cách sống của mỗi người dân. Trong Thời kỳ Thuộc địa của Pháp, ranh giới của cả hai thành phố trở nên thâm thúy hơn khi tường của Hoàng Thành bị phá bỏ, và một tiểu thành phố thứ ba là Khu phố Tây được thêm vào ở phía Đông Nam.



Hình 1. Bản đồ Hà Nội năm 1902 cho thấy sự biểu hiện của các tiểu thành phố

5.2. Các khu vực lân bang được xác định

Phân tích: Kiểu mẫu này tương tự như kiểu mẫu 14 trong cuốn Một ngôn ngữ kiểu mẫu [13]. Khu vực lân bang được xác định: “Mọi người cần một đơn vị không gian có thể xác định nơi mình thuộc về”. Ở Hà Nội, mỗi khu phố hoặc phường là một nơi để kháng cự lại hiệu quả tình trạng bị gạt ra ngoài lề và sự cô lập. Toàn bộ thành từ năm 1831 đến năm 1888 là Phủ Hoài Đức, sau đó được chia thành các Huyện-Thọ Xương và Huyện Vĩnh Thuận. Cuối cùng, mỗi huyện được chia nhỏ thành mười tám phường. Mỗi phường về cơ bản là một khu phố bao gồm từ một đến một vài phố [17], [19], [20]. Mỗi phường có Xã trưởng, Lý trưởng, và chấp sự đóng tại dinh hoặc đình. Tên phố phản ánh các hoạt động thương mại hoặc nghề nghiệp với các mặt hàng hoặc hàng thủ công đặc trưng như Phố Hàng Trai, Phố Hàng Lụa, Phố Hàng Bông, Phố Hàng Quạt. Do đó, cảnh quan văn hóa độc đáo của Hà Nội được hình thành thông qua ba mươi sáu phố phường [21]. Các khu vực lân bang bên trong Hoàng thành bao gồm các khu vực của các đơn vị hành chính hoặc hậu cần, chẳng hạn như Tử Cấm Thành nơi nhà vua và hoàng tộc sinh sống, nơi Cấm binh đóng, kho chứa, chuồng voi và chuồng ngựa. Bên ngoài Hoàng thành là phức hợp văn hóa và thể chế quan trọng như Văn Miếu, Giảng Võ và Trường Thi [16], [17]. Trong khu phố Pháp, một số khu lân bang đã được thành lập: Các trung tâm hành chính và chính trị cho Đông Dương thuộc Pháp mới, các khu thương mại, biệt thự và các khu văn phòng.

5.3. Kinh đô

Phân tích: Sự kỳ diệu của Kinh đô phản ánh sự kết hợp của các yếu tố địa lý, sự phát triển kinh tế và địa vị chính trị. Kinh thành và Kê Chợ từng khuấy động sức hút và sự tôn kính nhờ không gian đa dạng, huyền thoại và uy tín của nó. Sự tập hợp của các phường hội nghề nghiệp và thương mại đã kéo các doanh nghiệp thương mại, hàng hóa và sản phẩm từ khắp mọi miền đất nước hội tụ về Kê Chợ. Cuộc sống thương mại nhộn nhịp này đã gây ấn tượng với những người châu Âu đầu tiên đến thăm Hà Nội

[17]. Về đẹp và địa vị của Hoàng thành đã thu hút dân thường cũng như tầng lớp nho sĩ tinh hoa. Cảnh quan và môi trường xây dựng của Hà Nội rất đẹp và lãng mạn theo triết lý phong thủy, đặc biệt là với vị trí của nó ở trung tâm của sông Hồng.

5.4. Sự kết hợp với yếu tố mặt nước

Phân tích: Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của Hà Nội là hôn phối của thành phố với mặt nước. Bản đồ thành phố năm 1873 cho thấy, cảnh quan Hà Nội đan xen giữa các vùng nước một cách chặt chẽ như thế nào [22]. Theo bản đồ cũng như các ghi chép của du khách vào thế kỷ XIX, Hồ Hoàn Kiếm được nối với sông Hồng qua nhiều ao và đầm nhỏ. Về phía Tây của thành phố, Hồ Tây là một đặc điểm cảnh quan nổi bật.



Hình 2. Bản đồ Hà Nội năm 1873 cho thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa cảnh quan thành phố với yếu tố mặt nước

5.5. Cổng chính của thành phố

Phân tích: Trong kiểu mẫu số 53, Cổng chính, Alexander và cộng sự [13] khuyến nghị rằng, mỗi ranh giới quan trọng được phân định bằng một cổng vào. Mỗi lối vào chính của thành phố Hà Nội đều được gắn cổng nổi bật, đánh dấu sự chuyển mình từ thành phố về nông thôn. Nó cũng hỗ trợ các mẫu khác như Kinh đô huyền diệu. Đáng tiếc là trong số mười bảy cổng ban đầu, chỉ có Cổng Ô Quan Chưởng còn tồn tại đến ngày nay. Tương tự, ở quy mô nhỏ hơn, các cổng giữa các phường đánh dấu sự phân biệt của các phường hội thương mại hoặc tiểu thủ công. Mỗi cổng thường có các chữ Hán thể hiện những lời chúc hay lời khuyên tốt đẹp.

5.6. Sự liên kết với các làng lân cận

Phân tích: Cư dân Kẻ Chợ duy trì mối quan hệ gia đình và tình cảm chặt chẽ với làng quê của họ ở các tỉnh xung quanh, và điều này được thể hiện trong cách tổ chức và tính cách của Kẻ Chợ theo một cách riêng của các đô thị Việt Nam. Nhiều người thường xuyên trở về nhà để theo dõi các ngày thờ cúng tổ tiên, giỗ chạp và lễ hội làng. Trong suốt

nhiều năm hỗn loạn và chiến tranh của thế kỷ thứ mười tám và mười chín, những ngôi làng lân cận đã từng là nơi ẩn náu cho cư dân thành phố; Điều này đặc biệt đúng trong sự hỗn loạn sau các cuộc tấn công của thực dân Pháp. Không gian đô thị Hà Nội trong thời kỳ thuộc địa là sự kết hợp của một số kiểu mẫu vay mượn từ các làng xã, chẳng hạn như sự tồn tại của đình, đình ở mỗi phường và công ngõ ở mỗi phố.

5.7. Sự chuyển đổi gian hàng sang cấu trúc cố định

Phân tích: Một số tài liệu cho rằng, những ngôi nhà ban đầu ở Kẻ Chợ là những gian hàng tạm bợ đơn sơ do những người di cư đến từ các làng gần đó xây dựng [17], [23]. Những quầy hàng này sau đó đã phát triển thành những ngôi nhà cố định và những cửa hàng buôn bán tạo nên một tiểu thành phố, tự phân biệt mình với Hoàng thành. Do đó, chính những người nông dân đã được biến đổi thành nghệ nhân và cư dân thành phố. Quá trình lâu dài này đã góp phần hình thành bản sắc của Hà Nội và có ảnh hưởng đáng kể đến không gian đô thị

6. Thảo luận và kết luận

Bài báo này đem đến một cách tiếp cận sáng tạo để hiểu được bản sắc trong kiến trúc và đô thị. Nghiên cứu này cũng cung cấp một khuôn khổ thực tế để thực hành xây dựng bản sắc trong thực tế. Tác giả đã chứng minh rằng phương pháp generative là một phương pháp khả thi, thông qua đó để hiểu được bản sắc trong kiến trúc và đô thị Việt Nam. Ngôn ngữ kiểu mẫu hỗ trợ phân "vô hình" của bản sắc - yếu tố mang lại cho các cấu trúc được xây dựng chất lượng cái "lợi ích chung" [11], [12]. Tác giả cho rằng các nhà nghiên cứu có thể bắt đầu tập hợp xây dựng một kho các ngôn ngữ kiểu hình thức cho kiến trúc và đô thị Hà Nội. Một số đặc tính được thể hiện mạnh mẽ như một phần của bản sắc Hà Nội. Có bằng chứng cho thấy sự hòa nhập tốt giữa trật tự áp đặt của chế độ thuộc địa và sự phức tạp tự tổ chức bên trong của văn hóa bản địa. Nó không khác gì trường hợp quy hoạch của Haussmann ở Paris. Chính quyền thuộc địa củng cố sự hiện diện và quyền tối cao của họ thông qua các dự án kiến trúc và cơ sở hạ tầng trong khi vẫn cho phép kiến trúc và đô thị bản địa phát triển một cách tự nhiên. Qua phân tích, tác giả kết luận rằng hình thức và các ngôn ngữ kiểu mẫu của kiến trúc và đô thị ở Hà Nội đã thể hiện một bản sắc độc đáo. Cần phải xem xét bản sắc từ một quan điểm động. Đặc biệt, khi nhìn vào bản sắc dưới góc độ của các quá trình phát triển, bản sắc của kiến trúc và đô thị Hà Nội đã tiếp tục phát triển và được bổ sung trong thời Pháp thuộc.

Các đặc điểm được mô tả ở đây có thể tạo thành nền tảng của một kho ngôn ngữ khuôn mẫu có thể duy trì bản sắc đô thị độc đáo của Hà Nội. Một ngôn ngữ như vậy có thể bao gồm cả các kiểu mẫu xây dựng chung phổ biến giữa các nền văn hóa, chẳng hạn như kiểu mẫu *Khu lân bang có thể nhận biết được*, cũng như các kiểu mẫu thích ứng với bối cảnh của Hà Nội, như tám kiểu mẫu được trình bày ở đây. Từ những kiểu mẫu này, các nhà nghiên cứu có thể điều tra quá trình chuyển đổi của Hà Nội. Cách tiếp cận được đề xuất trong bài viết này cung cấp một khuôn khổ khả thi để xây dựng bản sắc đô thị thông qua ngôn ngữ kiểu mẫu. Các nghiên cứu về bản sắc đô thị Hà

Nội đương đại có thể sử dụng phương pháp được phát triển trong nghiên cứu này. Với việc xây dựng các kiểu mẫu đô thị đương đại của Hà Nội, những nghiên cứu tương lai có thể tiếp cận cách ứng dụng ngôn ngữ kiểu mẫu để tìm hiểu và xây dựng bản sắc đô thị đương đại cho bất kỳ một thành phố nào. Cách tiếp generative cho phép giải quyết ngay cả những vấn đề nhỏ nhặt nhất của bản sắc phát sinh từ sự tương tác giữa con người với địa điểm trong thời gian, và quan trọng nhất là vấn đề khó nắm bắt về bản sắc trong đô thị và kiến trúc như trường hợp của Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] F. Chen and O. Romice, "Preserving the cultural identity of Chinese cities in urban design through a typomorphological approach", *Urban Design International*, vol. 14, no. 1, pp. 36–54, 2009.
- [2] I. M. Eldemery, "Globalization Challenges In Architecture", *Journal of Architectural and Planning Research*, vol. 26, no. 4, pp. 343–354, 2009.
- [3] C. Norberg-Schulz, *Intentions in Architecture*. Cambridge, MA: MIT Press, 1965.
- [4] D. Oktay, "The quest for urban identity in the changing context of the city", *Cities*, vol. 19, no. 4, pp. 261–271, 2002.
- [5] M. A. E. Saleh, "The integration of tradition and modernity: A search for an urban and architectural identity in Arriyadh, the capital of Saudi Arabia", *Habitat International*, vol. 22, no. 4, pp. 571–589, 1998.
- [6] K. Lynch, *Good city form*, Cambridge, MA: MIT Press, 1984.
- [7] D. Maudlin, "Constructing Identity and Tradition: Englishness, Politics and the Neo-Traditional House", *Journal of Architectural Education (1984-)*, vol. 63, no. 1, pp. 51–63, 2009.
- [8] J. Pallasmaa, "Tradition and Modernity: The Feasibility of Regional Architecture in Post-Modern Society". In: V. Canizaro (eds.) *Architectural Regionalism: Collected Writing on Place, Identity, Modernity and Tradition*. New York, NY: Princeton Architectural Press, 2007, pp. 129-140.
- [9] K. Frampton, *Modern Architecture and the Critical Present*, London: Architectural Design, 1982.
- [10] N. Luan, "Identity in architectural design". *Architecture Magazine of Vietnam Association of Architects*. vol. 10, pp. 38-42, 2010.
- [11] N. A. Salingaros, *A Theory of Architecture*, Solingen, Germany: Umbau-Verlag, 2008.
- [12] C. Alexander, *The Nature of Order: An Essay on the Art of Building and the Nature of the Universe, Book 1 - The Phenomenon of Life*, Berkeley: Center for Environmental Structure, 2001.
- [13] C. Alexander et al. *A Pattern Language: Towns, Buildings, Construction*, New York: Oxford University Press, 1977.
- [14] C. Alexander, *The Timeless Way of Building*, Oxford University Press, 1979.
- [15] T. T. Kim, *Viet Nam Su Luoc*. Ho Chi Minh city, Vietnam: General Publishing House, 2000.
- [16] W. S. Logan, *Hanoi: Biography of a city*, Sydney: New South Wales Press, 2000.
- [17] A. Masson, "Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)". Paris: Librairie Orientaliste Paul Gueuthner. Translated Jack A. Yarger. Edited and abridged by Daniel F. Doepfers as *The Transformation of Hanoi, 1873-1888*, Wisconsin Papers on Southeast Asia, 8, University of Wisconsin, WI: Centre for Southeast Asian Studies, 1983.
- [18] O. Tessier, "Quelques éclairages sur le processus de destitution de l'ancienne cité impériale de Thang Long reléguée au rang de chef-lieu de la région de Bac Thanh (1802-1831)". Proceedings on Conference of Announcement of Hanoi Map, 1831 *Hoai Duc Phu Toan do*. Hanoi, Vietnam: Institute of Social Sciences Information, 2010.
- [19] N. T. Nhi, "About the time of drawing the map of Hoai Duc Phu Toan Do in 1831". *Proceedings of the Workshop on the Publication of the Map of Hanoi in 1831, 'Hoai Duc Phu Toan Do'*, Hanoi, Vietnam: Institute of Social Science Information. 2010.
- [20] N. V. Phuc, "Comments on the Map of Hanoi in 1831". *Proceedings of the Workshop to Publish the Map of Hanoi in 1831 'Hoai Duc Phu Toan Do'*. Hanoi, Vietnam: Institute of Social Science Information, 2010.
- [21] N. V. Ky, "The Spirit of the City". In: G. Boudarel and N.V. Ky (eds.) *Hanoi: City of the Rising Dragon*. Lanham, MD: Rowman & Littlefield Publishers, 2002. pp. 11-73.
- [22] T. Minh, "Officially announced the Map of Hanoi in 1831 - 'Hoai Duc Phu Toan Do'". *New Hanoi Online*. 2 [Online]. Available: <https://hanoimoi.vn/chinh-thuc-cong-bo-ban-do-ha-noi-nam-1831-hoai-duc-phu-toan-do-251789.html>, [Accessed: October 14, 2022].
- [23] H. H. Phe and Y. Nishimura, *The Historical environment and housing conditions in the "36 Old Streets" Quarter of Hanoi*. Bangkok, Thailand: Division of Human Settlements Development-Asian Institute of Technology, 1990.